

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
Quá trình hình thành và phát triển :.....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển.....	7
5. Các rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	8
1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện so với kế hoạch.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:.....	12
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	16
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	16
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	17
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc Công ty.....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	19
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	19
1. Hội đồng quản trị.....	19
2. Ban Kiểm soát (BKS).....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.....	22
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	23
1. Ý kiến kiểm toán.....	23
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Địa chỉ : Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : +84 31 3730011 Fax : +84 31 3730012 Email : vpcom@vnn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Năm báo cáo : 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP
Giấy Chứng nhận ĐKDN	Số 0200809454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố : Hải Phòng cấp lại lần thứ ba ngày 03/01/2018;
Vốn điều lệ	150.761.770.000đ;
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.761.770.000đ;
Địa chỉ trụ sở chính	: P. 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải phòng;
Số điện thoại	(84-225) 3730011;
Số fax	: (84-225) 3730012;
Email	Vpcom@vnn.vn ;
Website	: www.vptrans.vn ;
Mã cổ phiếu	: VPA.

Quá trình hình thành và phát triển :

- Ngày 26/12/2007 : Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex) đã phê duyệt dự án thành lập Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP do Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP) và Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO đồng đề xuất;
- Ngày 16/3/2008 : Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP đã chính thức được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập;
- Ngày 23/4/2008 : Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải phòng cấp giấy phép ĐKKD số 0203004237; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 03/01/2018 với mã số doanh nghiệp là 0200809454;

- Năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng tài trợ vốn với Ngân hàng PGBank và Ngân hàng Indovinabank để tài trợ vốn cho dự án đầu tư đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 2800 DWT. Đến ngày 15/08/2012 Công ty đã nhận bàn giao tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 từ nhà máy đóng tàu Hồng Hà. Ngày 21/09/2012 tàu VP ASPHALT 1 bắt đầu thực hiện chuyến hàng đầu tiên chở nhựa đường lỏng từ Mailiao về Hải Phòng. Tháng 3/2013, Công ty tiếp tục nhận bàn giao tàu VP ASPHALT 2.

- Ngày 31/12/2015 : Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch UPCOM với mã cổ phiếu là VPA. Ngày 27/01/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VPA trên sàn giao dịch UPCOM.

Đến nay, Công ty đã hoạt động được 5 năm và đã khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường vận tải nhựa đường lỏng trong khu vực. Được sự hỗ trợ từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và của các cổ đông sáng lập, các công ty bạn và đối tác, với sự hấp dẫn của thị trường vận tải nhựa đường trong tương lai, Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP chắc chắn sẽ đi những bước tiến thành công trong những năm tới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

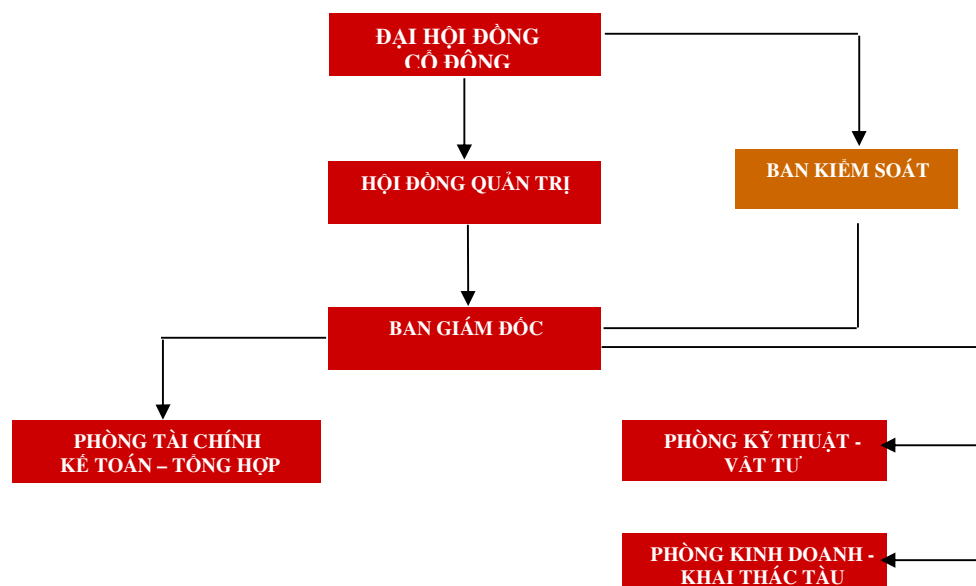
- **Ngành nghề kinh doanh :** Vận tải nhựa đường lỏng ven biển và viễn dương.

- **Địa bàn kinh doanh :** Các tuyến vận tải đường biển khu vực Đông và Đông Nam Á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1 : Mô hình quản trị



Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đang áp dụng mô hình tổ chức và quản trị, điều hành của công ty cổ phần. Mô hình được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Đại Hội đồng Cổ đông** : Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;

❖ **Hội đồng quản trị** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người, nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Quyền hạn và nhiệm vụ chính của HĐQT :

- Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ,...

❖ **Ban Kiểm soát** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, GĐĐH và các CBQL khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của GĐĐH;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của GĐĐH.

❖ Ban Giám đốc :

- Ban Giám đốc bao gồm một (01) Giám đốc điều hành. Giám đốc là người điều hành công việc của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hết sức gọn nhẹ, bao gồm 01 Giám đốc, 01 Phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp, 01 Phòng Kinh doanh - Khai thác và 01 Phòng Kỹ thuật - Vật tư. Trong đó, chức năng nhiệm vụ của từng phòng như sau :

❖ Phòng Tài chính - Kế toán tổng hợp :

- Tài chính kế toán : Có chức năng lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước;
- Tổng hợp : Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

❖ Phòng Kỹ thuật - Vật tư :

- Đầu tư, quản lý kỹ thuật - vật tư, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn của Công ty. Đảm bảo an toàn cho tàu và thủy thủ đoàn, các thủ tục pháp chế và bảo hiểm.

❖ Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu:

- Quản lý khai thác tàu, lập kế hoạch, theo dõi thị trường, khai thác nguồn hàng để vận chuyển, điều động tàu.

Các phòng ban chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp từ Giám đốc để thực hiện các công việc, hoạt động của Công ty.

c. Các công ty con, công ty liên kết :

(Công ty không có công ty con và công ty liên kết)

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng được đội tàu vận tải hóa dầu trong nước và quốc tế, đưa Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành vận tải biển;

- Trở thành nhà môi giới mua bán tàu biển uy tín trên thị trường mua bán tàu biển trong nước và khu vực.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từ năm 2018 - 2023 : Khai thác đội tàu sẵn có và tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư mới những tàu chở nhựa đường tiếp theo, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực thuê định hạn, môi giới và mua bán tàu biển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ và xây dựng tác phong lao động trong doanh nghiệp. Duy trì và phát triển phong trào “Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ”. Phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động, giảm thiểu các bệnh nghề nghiệp, hạn chế tối đa xảy ra các sự cố an ninh hàng hải;

- Tích cực phối hợp cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức đoàn thể, xã hội khác của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phong trào đền ơn, đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ Quỹ “Mái ấm công đoàn”, chăm lo giúp đỡ CBCNV, sỹ quan, thuyền viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho CBCNV Công ty, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước...

5. Các rủi ro

- Hoạt động vận tải biển chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên thế giới. Điển hình là giai đoạn 2008 - 2013 với xuất phát điểm từ cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu, đến khủng hoảng nợ công nghiêm trọng tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu. Những tranh chấp trên biển Đông cũng ảnh hưởng không nhỏ tới ngành vận tải biển nói chung và tuyến vận tải biển của Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP nói riêng;
- Rủi ro từ những yếu tố thiên nhiên như thảm họa động đất, sóng thần...;
- Rủi ro từ những yếu tố do con người gây ra như chiến tranh, cướp biển...;
- Một yếu tố tác động mạnh và trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải biển là giá nhiên liệu.
- Ngoài ra, Công ty còn có khả năng gặp rủi ro về lãi suất vay ngân hàng và chênh lệch tỷ giá.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện so với kế hoạch

- Năm 2017, nhu cầu vận chuyển nhựa đường trong khu vực giảm và vẫn ở mức thấp như Quý 4/2016; lãi suất vốn vay và tỷ giá trong năm tương đối ổn định. Tuy nhiên, kết quả hoạt động SXKD của công ty vẫn không đạt các chỉ tiêu kế hoạch. Cụ thể:
- Sản lượng vận chuyển đạt 86% trong khi doanh thu chỉ đạt 79% do giá cước thực hiện thấp hơn so với giá cước lập kế hoạch từ 11-15%. Nguyên nhân do nhu cầu vận chuyển ở mức thấp và chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các tàu có trọng tải lớn trên thị trường; Doanh thu năm 2017 đạt 77% so với thực hiện năm 2016;
 - So với thực hiện năm 2016, sản lượng vận chuyển chỉ đạt 80% trong khi giá vốn dịch vụ vận tải bằng 105% do giá nhiên liệu tăng từ giữa năm từ 5-7% so với kế hoạch 2017 và tăng 30% so với giá nhiên liệu năm 2016;
 - Kết quả Lãi gộp đạt 8,99 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế là -7,89 tỷ đồng
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện trong bảng sau đây

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%) thực hiện 2017	
					TH 2016	KH 2017
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.640.857	108.048.851	139.996.054	77,18	78,50
II	Giá vốn dịch vụ	100.372.226	99.051.026	95.327.788	103,91	98,68
III	Lợi nhuận gộp (III = I - II)	37.268.631	8.997.825	44.668.266	20,14	24,14
IV	Doanh thu hoạt động tài chính		897.291	3.112.713	28,83	
V	Chi phí hoạt động tài chính	23.114.780	14.189.269	22.570.950	62,87	61,39
VI	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.372.765	4.172.866	4.600.633	90,70	95,43
VII	Lợi nhuận khác		570.144	337.025	169,17	
VIII	Lợi nhuận trước thuế	9.781.086		20.946.420	-	
X	Lợi nhuận sau thuế		(7.896.875)	20.946.420	(37,70)	

2. Tổ chức và nhân sự

Trong năm, mô hình bộ máy quản lý điều hành của Công ty không thay đổi. Số lượng lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2017 là 8 người.

a. Giám đốc Công ty : Ông Đặng Minh Thao

- Ông Đặng Minh Thao sinh ngày 29/10/1960, tốt nghiệp trường Đại học Hàng Hải chuyên ngành Kỹ sư máy tàu thủy niên khóa 1977-1982. Ông Đặng Minh Thao có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển và hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà Ông Đặng Minh Thao đang nắm giữ là 5.000 cổ phần (tương đương 0,0332% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty)

b. Trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng hợp : Bà Vũ Thị Mai

- Bà Vũ Thị Mai sinh ngày 23/01/1979, tốt nghiệp Học viện Tài chính Kế toán chuyên ngành tài chính kế toán niên khóa 1996-2000; tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải của Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam khóa năm 2004-2007. Bà Vũ Thị Mai đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính và đảm nhiệm chức vụ Trưởng

phòng kế toán tài chính tổng hợp của công ty được 10 năm. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà bà Vũ Thị Mai đang nắm giữ là 3.000 cổ phần (tương đương 0,0198% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty);

- Nhân sự phòng Tài chính Kế toán tổng hợp gồm 3 người, một trưởng phòng và 2 kế toán viên;

- Phòng Kỹ thuật - Vật tư và Phòng Kinh doanh - Khai thác của Công ty chịu sự điều hành trực tiếp từ Giám đốc Công ty. Mỗi Phòng gồm một trưởng phòng và một chuyên viên giúp việc;

- Các chính sách đối với người lao động : Dưới sự điều chỉnh của các bộ luật và các Quy chế hoạt động trong Công ty, Người lao động trong Công ty luôn luôn được hưởng chế độ đãi ngộ ưu đãi cao nhất, theo qui định của pháp luật hiện hành và điều kiện của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Năm 2017, Công ty vẫn tập trung khai thác 2 tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 và chưa có hoạt động đầu tư mở rộng hoặc đầu tư vào lĩnh vực khác.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch
Tổng giá trị tài sản	478.228.857.490	458.885.169.043	(19.343.688.447)
Doanh thu thuần	143.108.767.019	108.946.142.278	(34.162.624.741)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	20.609.395.131	(8.467.019.061)	(29.076.414.192)
Lợi nhuận khác	337.025.214	570.144.131	233.118.917
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.946.420.345	(7.896.874.930)	(28.843.295.275)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.383	(524)	(1.907)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,398	0,447	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,398	0,199	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,680	0,685	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,120	2,177	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho		13,190	
+ Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,300	0,235	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :			
+ Hệ số LNST/DTT	0,150		
+ Hệ số LNST/ VCSH	0,140		
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,044		
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	0,310		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Tổng số cổ phần : 15.076.177 cổ phần;
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 15.076.177 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông :

Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP được thành lập dựa trên vốn góp của hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP), cùng với các cổ đông cá nhân khác là các cán bộ công nhân viên của hai Công ty trên. Cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm :

TT	Danh mục	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1.676.177	11.12
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.676.177	11.12
	Tổng cộng	15.076.177	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu :

Trong năm 2017 không thay đổi;

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Trong năm 2017 không có giao dịch cổ phiếu quỹ;

e. Các chứng khoán khác :

Công ty không có chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu -Tiêu thụ năng lượng

Sản phẩm chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển nên nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhiên liệu, bao gồm dầu diesel (DO) và mazút (HFO). Trong năm 2017, cả hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 khai thác được 57 chuyến hàng, tiêu thụ 671 tấn dầu DO và 3.192 tấn dầu HFO. Công ty luôn thực hiện tốt việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thay thế các phụ tùng cần thiết trên tàu nhằm tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

6.2. Tiêu thụ nước

Trong hoạt động quản lý và khai thác tàu, lượng nước tiêu thụ của Công ty chủ yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày của thuyền viên trên hai tàu, không phát sinh nước thải công nghiệp. Việc xả thải sinh hoạt luôn chấp hành đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Là doanh

nghiệp vận tải biển, hoạt động trên tuyến Quốc tế - Công ty tuân thủ tuyệt đối các qui định về kiểm soát xả thải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển của Nhà nước và quốc tế (MARPOL 73/78)

6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Trong năm qua Công ty không tham gia vào thị trường vốn xanh

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tóm tắt tình hình thị trường trong năm kế hoạch:

- Lượng hàng nhập về Việt Nam và nhu cầu vận chuyển từ Singapore đi Indonesia, Malaysia ở mức rất thấp so với các năm trước.
- Giá nhiên liệu ổn định ở mức lập kế hoạch hầu hết thời gian trong năm 2017, tuy nhiên có biến động tăng vào giữa và cuối năm với mức tăng 5-7% so với giá kế hoạch
- Về giá cước: Thấp hơn so với các năm trước do nhu cầu thấp và chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ với các tàu có trọng tải lớn trên thị trường. Giá cước thực hiện thấp hơn so với giá lập kế hoạch từ 11-15%,
- Lãi suất vay vốn ngân hàng và tỷ giá ổn định

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2017:

Đơn vị tính : 1.000 VNĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện	
				Thực hiện 31/12/2017	Năm 2016	So với KH	Cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng vận chuyển	Tấn	149.500	128.310	159.497	86%	80%
2	Số chuyến vận chuyển	Chuyến	65	57	70	88%	81%
3	Hoạt động DV vận tải						
3.1	Doanh thu	1.000 đ	137.640.857	108.048.851	139.996.054	79%	77%
	+ Doanh thu tàu VP ASPHALT 1	-	63.491.664	54.690.286	68.180.101	86%	80%
	+ Doanh thu tàu VP ASPHALT 2	-	74.149.193	53.358.566	70.761.435	72%	75%
	+ Doanh thu bán hàng và dịch vụ khác			-	1.054.518		
3.2	Giá vốn dịch vụ vận tải	1.000 đ	100.372.226	99.051.026	94.717.817	99%	105%
	+ Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	25.869Q.876	26.155.822	25.940.753	101%	101%

	+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, vật tư phụ	-	6.998.333	6.848.578	9.199.006	98%	74%
	+ Chi phí bảo hiểm	-	5.170.524	4.821.662	5.034.682	93%	96%
	+ Chi phí nhiên liệu, dầu nhớt	-	33.861.674	35.090.885	27.049.052	104%	130%
	+ Chi phí nhân công	-	10.893.326	10.690.611	10.210.354	98%	105%
	+ Chi phí cảng phí	-	13.304.893	11.206.831	13.268.130	84%	84%
	+ Phí quản lý tàu	-	1.178.100	1.178.181	1.178.100	100%	100%
	+ Chi phí khác	-	3.095.500	3.058.456	2.837.741	99%	108%
3.3	Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác				609.972		
4	Lợi nhuận gộp	1.000 đ	37.268.631	8.997.825	44.668.265	24%	20%
5	Hoạt động tài chính	1.000 đ					
5.1	Doanh thu hoạt động tài chính	-		897.291	3.112.712		29%
5.2	Chi phí hoạt động tài chính	-	23.114.780	14.189.269	22.570.950	61%	63%
5.3	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1.000 đ	(23.114.780)	(13.291.978)	(19.458.238)	58%	68%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.000 đ	4.372.765	4.172.866	4.600.633	95%	91%
7	Thu nhập khác	1.000 đ		570.144	337.025		169%
8	Chi phí khác	1.000 đ					
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	9.781.086	(7.896.875)	20.946.419		

Các chỉ tiêu biến động nhiều so với kế hoạch:

- Lợi nhuận gộp thực hiện bằng 24% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch (lỗ 7,8 tỷ)
- Số chuyến vận chuyển và doanh thu vận tải giảm khoảng 20% do giá cước thực hiện thấp. Thêm nữa, cả hai tàu đều thực hiện sửa chữa trên đà trong năm 2017.
- Chi phí nhiên liệu tăng hơn 1,2 tỷ (4%) so với kế hoạch và tăng 30% so với chi phí nhiên liệu trong năm 2016 do giá nhiên liệu trong năm tăng hơn dự kiến.
- Chi phí hoạt động tài chính giảm khoảng 40% so với kế hoạch do năm 2017 tỷ giá hối đoái giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam tương đối ổn định

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Thành lập từ tháng 3/2008, là một doanh nghiệp hoàn toàn mới và tiếp nhận dự án đóng tàu từ Ban dự án của hai cổ đông sáng lập là VIPCO và PLC, đến nay Công ty đang vận hành với bộ máy quản lý gồm các phòng ban chuyên trách, xây dựng được các quy chế, quy trình hoạt động trong Công ty. Công ty đã hoàn thành đóng mới và đưa vào khai thác 02 tàu chở

nhựa đường lỏng, trọng tải 2.800 DWT với chất lượng tốt, được khách hàng (người thuê tàu) trong khu vực Đông Nam Á tín nhiệm và tin dùng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Tại ngày 31/12/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	383.344.810	96.678.133.523	97.061.478.333
Khấu hao trong năm	285.947.356	25.937.238.803	26.223.186.159
Tại ngày 31/12/2017	669.292.166	122.615.372.326	123.284.664.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	510.921.043	464.744.027.413	465.254.948.456
Tại ngày 31/12/2017	224.973.687	438.806.788.610	439.031.762.297

b. Tình hình nợ phải trả

Tình hình thanh toán công nợ phải thu, phải trả trong năm 2017:

+ Đối với công nợ phải thu: trong năm Công ty không có phát sinh công nợ phải thu khó đòi, các khách hàng thuê tàu đều thanh toán cước đúng thời hạn quy định trong hợp đồng.

+ Đối với công nợ phải trả: Công ty đã thực hiện trả ngân hàng tài trợ vốn cho Dự án tổng số tiền: 1.168.140,03 USD, trong đó trả nợ gốc là: 550.000 USD và trả lãi vay: 618.140.03 USD.

Nợ xấu phải trả, ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá, lãi vay đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty không có nợ xấu. Các khoản nợ của Công ty bao gồm nợ vốn vay đầu tư và nợ các nhà cung cấp trong quá trình khai thác đều được công ty tự cân đối từ nguồn thu cước vận chuyển của hai tàu.

Năm 2017, thị trường tài chính tương đối ổn định, không có biến động nhiều về lãi suất và tỷ giá nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng nhiều của hai yếu tố này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2017, Công ty không có thay đổi về nhân sự (kể cả số lượng lao động), cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Triển vọng

Việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là mạng lưới giao thông đường bộ là một trong những khâu then chốt, gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Khu vực Nam Á và Đông Nam Á được đánh giá là thị trường năng động, đang phát triển và có tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm khá cao. Các nước có hệ thống giao thông đường bộ chưa hoàn thiện như Việt Nam, Philippine, Campuchia, Lào, Myanmar... sẽ còn phải tiếp tục hoàn thiện và sẽ nhập khẩu nhựa đường từ các quốc gia có ngành công nghiệp chung cất dầu mỏ (sản xuất được nhựa đường) như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan... Nhu cầu sử dụng nhựa đường hàng năm cũng luôn tồn tại cả với các quốc gia đã có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhằm mục đích duy tu, bảo dưỡng. Do vậy, luôn luôn tồn tại nhu cầu vận chuyển sản phẩm này giữa các vùng miền, lãnh thổ, thậm chí ngay cả đối với các quốc gia sản xuất được nhựa đường nhưng có vùng lãnh thổ rộng lớn như Trung Quốc, Indonesia. Đây là yếu tố đầu tiên, cơ sở để công ty nghiên cứu, đánh giá thị trường – lựa chọn qui mô đầu tư để phát triển.

b. Kế hoạch trong tương lai

- Với mục tiêu là Nhà vận tải nhựa đường lỏng chuyên nghiệp, kết hợp với phát triển ngành nghề môi giới và mua bán tàu biển; với kinh nghiệm có được từ thực tế khai thác hai con tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 từ 2013, Công ty có thể tiếp tục đầu tư các loại tàu mới đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển cho các công ty nhập khẩu nhựa đường, hóa chất, sản phẩm hóa dầu trong nước và mở rộng thị trường vận tải nhựa đường ra khu vực Đông Nam Á, Nam Á;

- Kế hoạch giai đoạn 2018-2022 : Trên cơ sở đội tàu hiện có kết hợp với nghiên cứu thị trường tàu trong khu vực, Công ty sẽ nghiên cứu để triển khai đầu tư tàu chở nhựa đường với trọng tải lớn hơn (từ 4.000 DWT-5.000 DWT) đồng thời phát triển dịch vụ thuê định hạn, môi giới, logistic và mua bán tàu biển.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :

Với ý thức bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Công ty đã triển khai áp dụng nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào Đội tàu chở nhựa đường như :

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, tiến hành bảo trì bảo dưỡng và thay thế các thiết bị đúng thời hạn được khuyến cáo nhằm đảm bảo vận chuyển hàng hóa tuyệt đối an toàn, tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ và hạn chế xả thải ra môi trường;
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định của Công ước quốc tế (MARPOL) và chính quyền các cảng mà tàu neo/đậu về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển do tàu gây ra.

Với các giải pháp được triển khai, Công ty đã góp một phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động :

Ban điều hành phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn luôn quan tâm tới đời sống của người lao động. Tuy nhiên, trong năm 2017, do tình hình khai thác hai tàu không đạt được kết quả như kế hoạch nên quỹ tiền lương theo doanh thu giảm, thu nhập bình quân của người lao động trong năm giảm 2% so với năm 2016.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tham gia đầy đủ với trách nhiệm cao và hoàn thành tốt mọi hoạt động đoàn thể, xã hội như phòng trào Đèn on đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo, đóng góp ủng hộ các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, các đợt sinh hoạt văn nghệ, thể thao quần chúng thông qua tổ chức Đoàn thanh niên và Công đoàn công ty VIPCO.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty luôn xác định và đặt nhiệm vụ phát triển bền vững lên hàng đầu, Công ty luôn tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng và đúng hạn, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng dịch vụ vận tải.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Thực tế hoạt động trong năm 2017, HĐQT đánh giá như sau:

+ Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phải thu và phải trả. Công ty không có công nợ phải thu khó đòi. Khoản nợ ngân hàng để đầu tư dự án đóng tàu, Công ty vẫn thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

+ Đối với hoạt động vận doanh khai thác tàu: Tuy Công ty đã rất nỗ lực trong việc đàm phán, lựa chọn tuyến khai thác có lợi và kiểm soát mọi chi phí vận hành nhưng nhu cầu thị trường giảm mạnh, bên cạnh đó phải chịu sự cạnh tranh nguồn hàng, giá cước với các tàu vận tải nhựa đường cỡ lớn, ...Giá nhiên liệu tăng lại càng làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

+ Kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty: Lợi nhuận sau thuế là -7,89 tỷ đồng không đạt kế hoạch HĐQT giao.

Tuy nhiên, HĐQT vẫn ghi nhận những nỗ lực của Công ty trong năm 2017.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc Công ty

Thông qua các cuộc họp HĐQT, bằng các nghị quyết, quyết định, công văn, HĐQT đã giao nhiệm vụ và giám sát Giám đốc và hoạt động của Công ty. Qua một năm làm việc, HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Giám đốc Công ty như sau :

- Giám đốc đã có phân công rõ ràng công việc, nhiệm vụ cho các phòng ban và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện được trong tuần qua và kế hoạch làm việc cho tuần tiếp theo;

- Giám đốc đã nhận thức rõ những khó khăn của thị trường trong năm qua, đã triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản Luật hiện hành;

- Giám đốc Công ty cũng đã thực hiện quy trình báo cáo, cung cấp thông tin tới HĐQT định kỳ hàng quý và khi cần thiết để xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị kịp thời.

- Với hoạt động khai thác và cho thuê tàu, Giám đốc Công ty đã rất linh động trong việc tìm kiếm nguồn hàng để vận chuyển, hoàn thành các chuyến hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết và không để xảy ra chậm thanh toán cước hoặc những rủi ro, tranh chấp hợp đồng vận chuyển;

- Theo dõi sát sao, kiểm tra rà soát, tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động;

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, đảm bảo tình trạng kỹ thuật để tàu luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ; hành hải an toàn và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

+ Nghiên cứu phương án cơ cấu lại trọng tải của đội tàu hiện nay theo hướng phù hợp với sự tăng trưởng về sản lượng và khả năng tiếp nhận của các kho bể đầu mối trên thị trường, tiếp tục nghiên cứu, chọn thời điểm phù hợp để triển khai dự án đầu tư tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải đến 5.000 DWT; Tìm đối tác góp vốn đầu tư và triển khai các công việc nhằm đầu tư phát triển Công ty;

+ Nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế, những chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam và các nước trong khu vực để điều chỉnh, bổ sung kịp thời công tác quản lý, điều hành;

+ Quan tâm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập chính đáng của người lao động trong Công ty;

+ Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, qui chế quản trị Công ty, đồng thời tiếp tục rà soát Điều lệ, các qui chế quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các qui định của nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

a. Các thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Chức danh tại Công ty khác
1	Ô. Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch	0	UV HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
2	Ô. Nguyễn Đình Thanh	Phó CT	0.0107	UV HĐQT Công ty CP vận tải Xăng dầu VIPCO
3	Ô. Đặng Minh Thao	Ủy viên - GD điều hành Công ty	0.0332	
4	Ô. Ngô Đức Giang	Ủy viên	0.0176	Phó TGD - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

5	Ô. Nguyễn Quang Minh	Ủy viên - TV HDQT độc lập	0.0215	Trưởng phòng Khai thác Thuê tàu - Công ty CP vận tải Xăng dầu Vipco
---	----------------------	------------------------------	--------	---

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị**❖ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên**

Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua các nội dung thường niên, thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty.

❖ Họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 03 cuộc họp HDQT định kỳ và 1 lần xin ý kiến bằng văn bản để quyết định và chỉ đạo Công ty thực hiện các nội dung sau :

- + Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016;
- + Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 21/4/2017; Giao Giám đốc Công ty triển khai, thực hiện các công việc chuẩn bị tổ chức Đại hội;
- + Quyết toán thù lao HDQT và BKS năm 2016 theo Nghị quyết số 0117/VP-NQ-HĐCD ngày 21/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông;
- + Giao kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 cho Công ty;
- + Sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- + Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty;
- + Giao Ban điều hành đàm phán với Ngân hàng PGBank đàm phán giảm lãi suất vay cho kỳ tính lãi quý III và quý IV năm 2017;
- + Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo soạn thảo Quy chế Quản lý cổ đông, sửa đổi, bổ sung các Quy chế Tài chính và Quy chế tiền lương, tiền thưởng;
- + Bổ sung, hoàn thiện báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017, xây dựng kế hoạch 2018 trình HDQT để báo cáo hai cổ đông lớn và những định hướng kế hoạch trong dài hạn;
- + Nghiên cứu và báo cáo HDQT phương án cơ cấu lại đội tàu của Công ty VP theo hướng phù hợp với sự thay đổi của thị trường và khả năng khai thác, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; Thời gian gửi Báo cáo trong quý I năm 2018.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành

Ông Nguyễn Quang Minh là thành viên HĐQT độc lập của Công ty, không tham gia điều hành. Ông Nguyễn Quang Minh tham mưu cho HĐQT về các lĩnh vực : Quản lý khai thác đội tàu; Thuê tàu; Đoàn thể và các tổ chức xã hội; Bảo hiểm và pháp chế hàng hải; Hiện nay, Ông Nguyễn Quang Minh đang đảm nhiệm chức danh Trưởng phòng Khai thác Thuê tàu của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO.

2. Ban Kiểm soát (BKS)

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, BKS của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ Các thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hào	Trưởng Ban	20/12/2013	1.620	0.0107
2	Ông Nguyễn Hữu Thành	Ủy viên	20/12/2013	0	0
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Ủy viên	20/12/2013	5.700	0.0378

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Trong năm 2017, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty cùng các phòng ban trong Công ty, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. BKS đã tổ chức họp, kiểm tra định kỳ tại Công ty để thực hiện các công việc như sau :

- + Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- + Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm;
- + Kiến nghị, đề xuất hoàn thiện các quy trình kiểm soát nội bộ để nâng cao công tác quản lý trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngoài ra, các thành viên HĐQT và BKS được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, tiếp khách và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được khen thưởng về những thành tích đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty;

- Trong năm 2017, thù lao HĐQT và BKS được ĐHCĐ thông qua như sau :

+ Chủ tịch HĐQT : Hệ số 0,6 tính trên mức thu nhập bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;

+ Phó chủ tịch HĐQT : Hệ số 0,5 tính trên mức thu nhập bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;

+ Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS : Hệ số 0,4 tính trên mức thu nhập bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;

+ Ủy viên BKS : Hệ số 0,3 tính trên mức thu nhập bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty.

- Tổng thù lao của các Thành viên HĐQT và BKS năm 2017 không tham gia điều hành là 780.564.000 đ và Lương, thưởng, thù lao cho TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty là 592.426.957 đ.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số : 022601/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp

lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc/[Ban Tổng Giám đốc]/Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 16 tháng 01 năm 2017.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

A blue ink signature of Nguyễn Huy Hùng.

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 Năm 2017

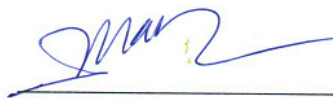
Đơn vị : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.539.976.505	12.560.862.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		123.167.798	3.362.994.069
1. Tiền	111	V.1	123.167.798	3.362.994.069
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		828.257.889	484.546.096
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		614.411.344	111.389.342
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2	213.846.545	373.156.754
III. Hàng tồn kho	140	V.4	7.509.396.813	6.789.673.917
1. Hàng tồn kho	141		7.509.396.813	6.789.673.917
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.079.154.005	1.923.648.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.3a	500.059.196	164.945.496
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.573.895.457	1.758.702.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	5.199.352	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445.345.192.538	465.667.995.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81.730.578	81.730.578
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.2	81.730.578	81.730.578
II. Tài sản cố định	220		439.031.762.297	465.254.948.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	439.031.762.297	465.254.948.456
- Nguyên giá	222		562.316.426.789	562.316.426.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.284.664.492)	(97.061.478.333)
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.231.699.663	331.315.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3b	6.231.699.663	331.315.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.885.169.043	478.228.857.490

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		314.444.790.288	324.999.207.805
I. Nợ ngắn hạn	310		30.286.984.388	9.678.003.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	10.458.226.562	7.442.395.841
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	7.000.000	30.200.000
3. Phải trả người lao động	314		303.706.448	529.915.867
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.8	1.340.636.817	1.144.762.371
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	124.033.155	526.948.450
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	17.964.600.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88.781.406	3.781.406
II. Nợ dài hạn	330		284.157.805.900	315.321.203.870
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	284.157.805.900	315.321.203.870
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.440.378.755	153.229.649.685
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	144.440.378.755	153.229.649.685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.761.770.000	150.761.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		905.029.707	905.029.707
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.226.420.952)	1.562.849.978
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		670.453.978	1.562.849.978
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.896.874.930)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.885.169.043	478.228.857.490



Trần Thị Nga
 Người lập biểu
 Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng




Đặng Minh Thao
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		108.048.850.845	139.996.054.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	108.048.850.845	139.996.054.502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.051.025.991	95.327.788.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.997.824.854	44.668.266.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	897.291.433	3.112.712.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.189.269.424	22.570.950.399
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.112.645.217	15.551.471.428
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.172.865.924	4.600.633.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.467.019.061)	20.609.395.131
11. Thu nhập khác	31	VI.6	570.144.131	337.025.214
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		570.144.131	337.025.214
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.896.874.930)	20.946.420.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.896.874.930)	20.946.420.345
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(524)	1.383
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(524)	1.383



Trần Thị Nga
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(7.896.874.930)	20.946.420.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.223.186.159	26.460.891.797
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(659.389.778)	3.693.586.934
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(34.339.819)
Chi phí lãi vay	06	14.112.645.217	15.551.471.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.779.566.668	66.618.030.685
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(3.158.904.338)	8.032.079.442
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(719.722.896)	500.558.487
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	2.561.380.453	(14.862.874.447)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(6.235.497.397)	965.184.371
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.114.645.217)	(15.441.471.428)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.199.352)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	147.862.208	337.025.214
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(999.440.634)	(511.689.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.255.399.495	45.636.842.342
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(18.477.109.232)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	34.339.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(18.442.769.413)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.069.254.152	21.652.483.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.563.804.152)	(46.688.279.411)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(810.000)	(675.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.495.360.000)	(25.036.471.076)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.239.960.505)	2.157.601.853
Tiền đầu năm	60	3.362.994.069	1.205.554.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	134.234	(162.099)
Tiền cuối năm	70	123.167.798	3.362.994.069



Trần Thị Nga
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004237 ngày 23 tháng 04 năm 2008 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0200809454 (thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 01 năm 2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty có tổng số vốn điều lệ là 150.761.770.000 đồng và trụ sở chính tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian dưới 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 22

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm và chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ

khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	12.796.100	141.491.374
Tiền gửi ngân hàng	110.371.698	3.221.502.695
Cộng	123.167.798	3.362.994.069

2. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng	122.995.919	185.241.919
- Các khoản phải thu khác	90.850.626	187.914.835
Cộng	213.846.545	373.156.754
b. Dài hạn		
- Ký cược dài hạn tiền thuê văn phòng	69.730.578	69.730.578
- Ký cược dài hạn khác	12.000.000	12.000.000
Cộng	81.730.578	81.730.578

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	-	2.359.090
Chi phí bảo hiểm	500.059.196	162.586.406
Cộng	500.059.196	164.945.496
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	238.245.684	25.443.183
Vật tư và chi phí sửa chữa lớn tàu ASPHALT	5.993.453.979	305.872.783
Cộng	6.231.699.663	331.315.966

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.475.135.413	-	6.684.181.716	-
Công cụ, dụng cụ	31.715.000	-	41.940.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.546.400	-	63.552.201	-
Cộng	7.509.396.813	-	6.789.673.917	-

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Tại ngày 31/12/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	383.344.810	96.678.133.523	97.061.478.333
Khấu hao trong năm	285.947.356	25.937.238.803	26.223.186.159
Tại ngày 31/12/2017	669.292.166	122.615.372.326	123.284.664.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	510.921.043	464.744.027.413	465.254.948.456
Tại ngày 31/12/2017	224.973.687	438.806.788.610	439.031.762.297

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 438.806.788.610 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 464.676.664.755 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.075.733.246 đồng (ngày 01 tháng 01 năm 2017: 36.423.775 đồng).

6. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng Trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng Trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
COCKETT MARINE OIL (ASIA)	3.969.494.173	3.969.494.173	1.278.959.759	1.278.959.759
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	3.208.866.692	3.208.866.692	3.154.738.217	3.154.738.217
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000	648.000.000	648.000.000
Các khoản phải trả khác	1.983.865.697	1.983.865.697	2.360.697.865	2.360.697.865
Cộng	10.458.226.562	10.458.226.562	7.442.395.841	7.442.395.841
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	5.801.688.574	5.801.688.574	5.280.299.357	5.280.299.357

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.199.352	-	5.199.352	-
Cộng	5.199.352	-	5.199.352	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	11.646.210	11.646.210	-
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	-	1.451.757	1.451.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.000.000	105.076.549	128.276.549	30.200.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	7.000.000	121.174.516	144.374.516	30.200.000

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí cảng	629.171.440	390.000.000
Chi phí lãi vay	188.000.000	190.000.000
Chi phí bảo hiểm	58.934.103	338.763.843
Chi phí nhiên liệu	415.644.944	199.543.972
Chi phí phải trả khác	48.886.330	26.454.556
Cộng	1.340.636.817	1.144.762.371

9. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.403.155	28.127.122
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	96.630.000	97.440.000
Nhiên liệu tồn khi bàn giao tàu	-	401.381.328
Cộng	124.033.155	526.948.450

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	6.069.254.152	6.069.254.152	-	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	6.069.254.152	6.069.254.152	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.11)	17.964.600.000	17.964.600.000	-	-	-	-
Đông tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Inovina - Chi nhánh Đồng Đa	17.964.600.000	17.964.600.000			-	-
Tổng	17.964.600.000	17.964.600.000			-	-

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn	302.122.405.900	302.122.405.900	-	13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Inovina - Chi nhánh Đồng Đa	302.122.405.900	302.122.405.900		13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Cộng	302.122.405.900	302.122.405.900	-	13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.10)	17.964.600.000	17.964.600.000			-	-
Cộng các khoản vay dài hạn	284.157.805.900	284.157.805.900			315.321.203.870	315.321.203.870

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 06/2010/VP/HĐTDDH ngày 09/09/2010 với tổng hạn mức cho vay là 19.646.604 USD (trong đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Inovina là 11.140.000 USD). Thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn vay đầu tiên, với lãi suất cho vay theo lãi suất thông báo của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty, đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Thời gian ân hạn là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay là 03 (ba) tháng một lần, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.964.600.000	-
Trong năm thứ hai	36.611.400.000	35.324.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	118.475.400.000	112.126.800.000
Sau năm năm	129.071.005.900	167.869.903.187
Cộng	302.122.405.900	315.321.203.187
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	17.964.600.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	284.157.805.900	315.321.203.187

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	150.761.770.000	905.029.707	(18.761.207.167)	132.905.592.540
Lợi nhuận tăng trong năm			20.946.420.345	20.946.420.345
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			(622.363.200)	(622.363.200)
Số dư tại ngày 31/12/2016	150.761.770.000	905.029.707	1.562.849.978	153.229.649.685
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	(7.896.874.930)	(7.896.874.930)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(792.396.000)	(792.396.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	150.761.770.000	905.029.707	(7.226.420.952)	144.440.378.755

(*) Việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ được thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 21 tháng 04 năm 2017.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	68.000.000.000	68.000.000.000
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	66.000.000.000	66.000.000.000
Các cổ đông khác	16.761.770.000	16.761.770.000
Cộng	150.761.770.000	150.761.770.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177

12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty không có đơn vị trực thuộc tại các địa phương khác, do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ hoạt động, Công ty chỉ cung cấp dịch vụ vận tải biển. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.051.025.991	95.327.788.116
Cộng	99.051.025.991	95.327.788.116

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.980.110	34.339.819
Lãi chênh lệch tỷ giá	895.311.323	3.052.101.811
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	26.270.887
Cộng	897.291.433	3.112.712.517

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.112.645.217	15.551.471.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá	76.624.207	7.019.478.971
Cộng	14.189.269.424	22.570.950.399

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.219.905.456	2.596.013.518
Chi phí công cụ, dụng cụ	85.260.471	36.512.726
Khấu hao tài sản cố định	67.362.658	173.218.244
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dịch vụ mua ngoài	976.592.749	1.124.830.121
Chi phí bằng tiền khác	820.744.590	667.058.764
Cộng	4.172.865.924	4.600.633.373

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hoàn phí bảo hiểm	116.462.098	337.025.214
Các khoản thu nhập khác	453.682.033	-
Cộng	570.144.131	337.025.214

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.896.874.930)	20.946.420.345
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	100.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.896.874.930)	20.846.420.345
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong	15.076.177	15.076.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(524)	1.383

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.492.741.453	27.092.215.943
Chi phí nhân công	14.189.301.267	13.697.296.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.223.186.159	26.460.891.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.042.580.615	22.883.403.847
Chi phí khác bằng tiền	7.276.082.421	9.794.613.807
Cộng	103.223.891.915	99.928.421.489

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Ngô Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đặng Minh Thao	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng	18.963.150.000	2.928.774.000
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	18.963.150.000	2.928.774.000
Mua hàng	26.599.622.350	18.172.182.311
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	738.589.379	827.714.844
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000
Công ty TNHH VIPCO Hạ long	18.236.253.676	11.357.775.687
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	3.611.232.064	4.304.438.660
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO	386.253.120	386.253.120
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	1.302.040.630	-
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long - Hải Phòng	1.029.253.481	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công nợ phải trả	5.801.688.574	5.280.299.357
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	3.208.866.692	3.154.738.217
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	648.000.000
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	902.808.016	902.808.016
Tổng Công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP (PLC)	26.151.400	478.189.844
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	139.281.450	-
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO	96.563.280	96.563.280
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long - Hải Phòng	132.017.736	-

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương và thưởng của Ban giám đốc		
- Ông Đặng Minh Thao	592.426.957	575.283.344
Thù lao Hội đồng quản trị		
- Ông Nguyễn Văn Khánh	145.944.000	146.764.800
- Ông Nguyễn Đình Thanh	121.620.000	122.304.000
- Ông Ngô Đức Giang	97.296.000	97.843.200
- Ông Nguyễn Quang Minh	97.296.000	97.843.200
Cộng	1.054.582.957	1.040.038.544

1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Trần Thị Nga
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần vận tải hóa dầu VP được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là :

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế

Địa chỉ : Tầng 15 Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại : +84.24 66642777;

Fax : +84.24 66643777;

Website : ifcvietnam.com.vn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Dặng Minh Thảo